

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XM
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 116/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 15/10/2020

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Văn Phú Hiên.

2. Bà Đoàn Thị Mến

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kim Thùy – Thư ký tòa án nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham G phiên tòa: Ông Đỗ Đình Luyến – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 10 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện XM xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 535/2019/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2019 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 110/2020/QĐXXST – HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2020; quyết định hoãn phiên tòa số 96/2020/QĐST – HNGĐ ngày 23 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Võ Thúy O, sinh năm: 1985 (có mặt).

Địa chỉ: Khu phố TS, thị trấn PB, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Bị đơn: Ông Phú Văn S, sinh năm: 1984 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố TS, thị trấn PB, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 11/9/2019, bản khai và các biên bản làm việc tiếp theo tại Tòa án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn – Bà Võ Thúy O trình bày:

Bà O xây dựng G đình với ông Phú Văn S vào năm 2007 và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn PB, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện không ai mai mối ép buộc, có tổ chức lễ cưới, trước khi cưới bà O, ông S có tìm hiểu nhau một thời Gn. Sau khi kết hôn thì bà O và ông S chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông S hay ghen tuông, vợ chồng không tin tưởng nhau nên thường phát sinh cãi vã, lúc nóng giận ông S có đánh đập bà O, sự việc lặp đi lặp lại nhiều lần. Bà O và ông S đã cùng ngồi lại với nhau để dàn xếp mâu

thuần nhưng không thành. Vì vậy dẫn đến tình cảm vợ chồng dần dần rạn nứt, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể nào khắc phục được. Hiện bà O và ông S ly thân từ tháng 5/2020 cho đến nay, không còn quan hệ qua lại gì về mặt tình cảm cũng như kinh tế.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà O yêu cầu được ly hôn với ông S.

- Về con chung: Bà O và ông S có 02 con chung tên Phú Hoàng Bảo T, sinh ngày 03/10/2009 và Phú Hoàng G, sinh ngày 23/9/2013 đang sống với ông S. Bà O đồng ý để ông S được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung, bà O không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tại những lần làm việc trước đây bà O có yêu cầu Tòa án chia tài sản chung là 01 căn nhà cấp 04 diện tích ngang 06m dài 18m, được xây dựng trên diện tích đất 102,6m² thuộc sổ thửa 93, số tờ bản đồ số 20 thị trấn PB, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2012 mang tên Võ Thúy O và Phú Văn S; 01 xe máy hiệu Lead giấy đăng ký xe mang tên Võ Thúy O. Nay bà O xin rút yêu cầu chia tài sản chung, việc bà O rút yêu cầu chia tài sản chung là tự nguyện, không ai ép buộc. Về tài sản chung bà O và ông S tự thỏa thuận với nhau, bà O không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Tại những lần làm việc trước đây bà O có yêu cầu Tòa án chia nợ chung theo quy định của pháp luật đối với các khoản nợ:

+ Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn – Hà Nội (SHB) chi nhánh Vũng Tàu – Phòng Go dịch XM số tiền 233.500.000đ.

+ Ngân hàng chính sách xã hội huyện XM số tiền 30.000.000đ.

Quá trình tòa án giải quyết vụ kiện bà O và ông S đã trả cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện XM toàn bộ số tiền nợ gốc 30.000.000đ và lãi suất theo yêu cầu của Ngân hàng chính sách. Đối với số tiền 233.500.000đ còn nợ Ngân hàng mại cổ phần Sài Gòn – Hà Nội (SHB) chi nhánh Vũng Tàu – Phòng giao dịch XM, nay bà O không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản khai, biên bản làm việc tại Tòa án, bị đơn ông Phú Văn S trình bày:

Về thời Gñ, điều kiện kết hôn và hoàn cảnh kết hôn như bà O trình bày là đúng, ông S không bổ sung gì thêm. Sau khi kết hôn ông S và bà O chung sống cũng có những mâu thuẫn trong cuộc sống G đình nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ do vợ chồng bất đồng quan điểm, có cãi nhau nhưng ở mức độ bình thường, ông S cũng không ghen tuông như lời bà O trình bày. Mức độ mâu thuẫn của vợ chồng chưa đến mức phải ly hôn.

Bà O yêu cầu ly hôn ông S không đồng ý, vì ông S còn thương yêu bà O, ông S muốn vợ chồng cùng chung sống để nuôi dạy con cái và cùng nhau trả nợ.

- Về con chung: Ông S và bà O có 02 con chung tên Phú Hoàng Bảo T, sinh ngày 03/10/2009 và Phú Hoàng G, sinh ngày 23/9/2013, hiện đang sống với ông S. Nếu ly hôn ông S yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng các con chung và không yêu cầu bà O phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay ông S làm sửa chữa điện lạnh, có cửa hàng riêng do ông S làm chủ, thu nhập trung bình mỗi tháng từ

15.000.000 - 20.000.000đ, do ông S làm nghề tự do nên không có giấy tờ gì để chứng minh cho thu nhập của mình.

- Về tài sản chung: Ông S chưa có ý kiến, những tài sản mà bà O đã trình bày thì ông S xác nhận là tài sản chung của vợ chồng. Nay bà O yêu cầu chia đôi thì ông S chưa đồng ý.

- Về nợ chung: Bà O trình bày là đúng nhưng chưa đủ.

Sau lần làm việc trên Tòa án mời hòa giải nhiều lần nhưng ông S vắng mặt không có lý do, đến ngày 19/6/2020 ông S có bản khai thể hiện quan điểm: Về quan hệ hôn nhân ông S đồng ý ly hôn với bà O, về con chung ông S yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung, không yêu cầu bà O cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông S và bà O tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ông S có văn bản thể hiện ý kiến nêu trên Tòa án đã triệu tập họp lệ ông S nhiều lần nhưng ông S vẫn vắng mặt. Tại các phiên Tòa ông S đều vắng mặt không có lý do.

Phát biểu quan điểm của Kiểm sát viên: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng trình tự, thủ tục tố tụng được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của đương sự, nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn còn vắng mặt tại các buổi làm việc trước đây cũng như tại các phiên tòa là chưa chấp hành đúng pháp luật. Vụ án còn để kéo dài quá thời hạn xét xử nhưng không có quyết định G hạn là còn thiếu sót nhưng không gây ảnh hưởng lớn đến nội dung vụ án đề nghị Tòa án rút kinh nghiệm.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu ly hôn và giải quyết con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Quan hệ tranh chấp: Bà Võ Thúy O yêu cầu ly hôn, giải quyết con chung với ông Phú Văn S, đây là quan hệ pháp luật ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định tại khoản 1, Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn ông Phú Văn S có nơi cư trú tại địa bàn huyện XM theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Trong quá trình tham G tố tụng, ông Phú Văn S đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng ông S vắng mặt không có lý do. Vì vậy việc xét xử vắng mặt ông S là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà O và ông S xây dựng G đình vào năm năm 2007 có đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 08, quyển số 02 ngày 07/12/2007 tại UBND thị trấn PB, huyện

XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu), xét đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Bà O và ông S chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bà O và ông S bất đồng quan điểm nên thường phát sinh cãi vã, đôi khi xảy ra xô sát, vợ chồng không có tiếng nói chung. Từ đó tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, xa cách. Bà O và ông S đã ngồi lại để giải quyết mâu thuẫn nhưng tình hình vẫn không có gì thay đổi. Hiện bà O và ông S đã ly thân từ tháng 5/2020 đến nay, không còn quan hệ qua lại gì về mặt tình cảm cũng như kinh tế. Nay bà O yêu cầu ly hôn, ông S đồng ý ly hôn.

Xét kết quả xác minh tại địa phương về tình trạng hôn nhân của bà O và ông S, phù hợp với lời trình bà của bà O. Hội đồng xét xử nhận thấy, tình cảm vợ chồng của bà O và ông S thật sự không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và ông S cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà O. Căn cứ khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà O đối với ông S.

[3] Về con chung: Bà O và ông S có 02 con chung tên Phú Hoàng Bảo T, sinh ngày 03/10/2009 và Phú Hoàng G, sinh ngày 23/9/2013, hiện đang sống với ông S.

Nhận thấy, ông S có yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung, cháu T có nguyện vọng được sống với ông S và bà O cũng đồng ý để ông S được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung. Do đó Go 02 con chung cho ông S được quyền trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con, ông S không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Quá trình giải quyết vụ án bà O có khởi kiện bổ sung về việc yêu cầu Tòa án chia tài sản chung đối với: 01 căn nhà cấp 04 diện tích ngang 06m dài 18m, được xây dựng trên diện tích đất 102,6m² thuộc sổ thửa 93, sổ tờ bản đồ số 20 thị trấn PB, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2012 mang tên Võ Thúy O và Phú Văn S; 01 xe máy hiệu Lead giấy đăng ký xe mang tên Võ Thúy O. Nay bà O xin rút yêu cầu chia tài sản chung, việc bà O rút yêu cầu chia tài sản chung là tự nguyện, nên Tòa án đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của bà O đối với các tài sản trên.

Quá trình giải quyết vụ án ông S không yêu cầu Tòa án chia tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án bà O có yêu cầu Tòa án chia nợ chung đối với các khoản nợ:

- + Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn – Hà Nội (SHB) chi nhánh Vũng Tàu – Phòng Go dịch XM số tiền 233.500.000đ.

- + Ngân hàng chính sách xã hội huyện XM số tiền 30.000.000đ.

Quá trình làm việc Ngân hàng chính sách xã hội huyện XM có đơn yêu cầu độc lập yêu cầu bà O và ông S phải trả cho Ngân hàng chính sách số tiền nợ gốc 30.000.000đ cộng lãi suất theo hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết. Trong quá trình giải quyết vụ án bà O và ông S đã trả cho Ngân hàng chính sách toàn

bộ số nợ trên, Ngân hàng chính sách có đơn xin rút yêu cầu độc lập và Tòa án đã ra quyết định đình chỉ giải quyết phần yêu cầu độc lập của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam số 01/2020/QĐST – HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2020. Đối với khoản nợ của Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn – Hà Nội (SHB) chi nhánh Vũng Tàu – Phòng giao dịch XM, nay bà O không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ kiện Tòa án có thông báo cho Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn – Hà Nội (SHB) chi nhánh Vũng Tàu – Phòng giao dịch XM về việc bà O có yêu cầu chia nợ chung đối với số tiền 233.500.000đ, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn – Hà Nội (SHB) chi nhánh Vũng Tàu – Phòng giao dịch XM nhưng Ngân hàng không có ý kiến gì, theo kết quả xác minh ngày 11/8/2020, thì Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn – Hà Nội (SHB) chi nhánh Vũng Tàu – Phòng giao dịch XM chưa có yêu cầu khởi kiện gì đối với bà O và ông S do quá trình vay, bà O và ông S đã thanh toán tiền lãi đầy đủ cho Ngân hàng và khoản vay trên chưa đến hạn trả nợ, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Áp dụng Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bà O phải chịu án phí hôn nhân và G đình sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của bà Võ Thúy O đối với ông Phú Văn S.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thúy O được ly hôn với ông Phú Văn S.

2. Về con chung: Go 02 con chung tên Phú Hoàng Bảo T, sinh ngày 03/10/2009 và Phú Hoàng G, sinh ngày 23/9/2013 cho ông S được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Phú Văn S không yêu cầu bà Võ Thúy O cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét.

Bà Võ Thúy O có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích mọi mặt của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của bà Võ Thúy O đối với: 01 căn nhà cấp 04 diện tích ngang 06m dài 18m, được xây dựng trên diện tích đất 102,6m² thuộc số thửa 93, số tờ bản đồ số 20 thị trấn PB, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2012 mang tên Võ Thúy O và Phú Văn S; 01 xe máy hiệu Lead

giấy đăng ký xe mang tên Võ Thúy O.

4. Về nợ chung: Bà Võ Thúy O và ông Phú Văn S không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

5. Về án phí:

+ Bà Võ Thúy O phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà O đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001354 ngày 11/9/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Bà O đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

+ Hoàn trả cho bà Võ Thúy O số tiền tạm ứng án phí 6.500.000đ (sáu triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003877 ngày 20/12/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND huyện XM;
- Chi cục THADS huyện XM;
- UBND thị trấn PB, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Thảo